TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/DS-ST
Ngày: 24/7/2019
"*Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X -TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Phong.

2. Bà Lê Thị Vân.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đức Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/TLST–DS ngày 31/5/2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2019/QĐXXST-DS ngày 10/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1966**.** Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện X, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm 1950. Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện X, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Vào ngày 15/01/2019 (âm lịch) bà N có cho bà L vay 680.000.000đ. Khi vay bà L nói để xoay sở việc nhà. Khi vay hai bên thỏa thuận 01 tháng sau trả. Khi cho vay thì thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng. Bà L có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số AH 188470 do UBND huyện X cấp cho bà L vào ngày 16/01/2007. Từ ngày vay cho tới nay bà L không trả lãi. Tới hạn trả gốc bà L cũng không thực hiện. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà L trả gốc 680.000.000đ. Trả 01 lần và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị L trình bày: Bà L thừa nhận vào ngày 15/01/2019 (âm lịch) bà có viết giấy mượn bà N số tiền 680.000.000đ. Không thỏa thuận lãi suất, hạn 01 tháng trả. Giấy do bà tự viết và tự ký nhận. Sau khi ký giấy bà L không trả gốc và lãi cho bà N. Thực chất bà không vay bà N số tiền 680.000.000đ mà do trước đây bà vay của bà N 36.000.000đ và thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ như trên. Sau đó bà vay thêm 02 lần mỗi lần 50.000.000đ và 30.000.000đ và sau này bà chơi thêm 01 dây hụi 5.000.000đ do bà N làm chủ, hụi này bà hốt kỳ thứ mấy không nhớ và bao nhiêu tiền cũng không nhớ. Ngày 15/01/2019 (âm lịch), bà N tổng cộng những lần bà vay tiền và chơi hụi, tính thêm tiền lời 3%/tháng và kêu bà viết giấy và ký tên vay 680.000.000đ. Nay do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả 400.000.000đ. Bà không yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi suất mà bà đã trả cho bà N. Việc vay mượn và chơi hụi bà L không cung cấp được bất cứ tài liệu nào để chứng minh. Bà yêu cầu bà N trả lại giấy chứng nhận QSDĐ số AH 188470 do UBND huyện X cấp cho bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu bà L trả tiền vốn vay là 680.000.000đ. Bị đơn thừa nhận nợ nhưng chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 400.000.000đ. Cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào để xem xét tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện bà Dương Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bà L cư trú tại ấp 3, xã T, huyện X, tỉnh Long An, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện đòi tiền vốn vay của bà N thấy rằng*: Bà N khởi kiện bà L số tiền 680.000.000đ và cung cấp giấy nhận tiền ghi ngày 15/01/2019 (âm lịch).

Xét giấy mượn tiền ghi ngày 15/01/2019 (âm lịch) do bà N cung cấp thể hiện bà N có cho bà L vay số tiền 680.000.000đ, các bên không thỏa thuận lãi suất, hạn trả nợ là 01 tháng. Bà L có đưa cho bà N giữ bản chính 01 giấy chứng nhận QSDĐ số AH188470, thửa đất số 499, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện X, tỉnh Long An do bà L đứng tên. Hai bên thỏa thuận khi bà L trả tiền hoàn tất thì bà N sẽ hoàn trả giấy chứng nhận QSDĐ số AH188470 cho bà L. Tại phiên tòa, bà L thừa nhận giấy mượn tiền ghi ngày 15/01/2019 (âm lịch) do bà trực tiếp ghi và ký tên nhưng bà xin trả cho bà N số tiền 400.000.000đ và xin được trả dần. Đồng thời yêu cầu bà N trả lại giấy chứng

nhận QSDĐ số AH 188470 cho bà L. Việc bà L xin trả 400.000.000đ và trả dần không được bà N chấp nhận. Xét thấy đây là hợp đồng vay có thời hạn, tới hạn bà L không trả cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà N là có cơ sở và được chấp nhận. Buộc bà L phải trả cho bà N số tiền gốc vay là 680.000.000đ.

Đối với yêu cầu hoàn trả giấy chứng nhận QSDĐ số AH188470, thửa đất số 499, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, HUYỆN X, tỉnh Long An do bà Dương Thị L đứng tên thì thấy: Bà N không được cơ quan nhà nước cấp giấy phép hoạt động là một tổ chức tín dụng, cũng không có chức năng nhận thế chấp tài sản nên yêu cầu của bà L là có cơ sở và được chấp nhận. Buộc bà N phải hoàn trả giấy chứng nhận QSDĐ cho bà L.

[3] *Về tiền lãi:* Tại phiên tòa, bà N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi, bà không yêu cầu bà L phải trả lãi trên vốn vay nên ghi nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của bà N.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên bà L phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bà L có đơn đề nghị được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó miễn toàn bộ tiền án phí cho bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều: 35, 39, 217, 219, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N đối bà Dương Thị L về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Dương Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N tổng cộng 680.000.000 đồng tiền vốn vay.

Đình chỉ một phần yêu cầu về tiền lãi của bà Nguyễn Thị N đối với bà Dương Thị L. Bà N không có quyền khởi kiện lại.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải hoàn trả cho bà Dương Thị L bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số AH188470, thửa đất số 499, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã T, huyện X, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 16/01/2007 cho bà Dương Thị L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng, bà L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị L được miễn toàn bộ tiền án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 15.839.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001949 ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

Án này xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/7/2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện X;
- THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương